

Số: 02-HHXNM/TVTĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

BẢN TIN DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN KHU VỰC NAM BỘ TỪ NGÀY 21-31/01/2022

1. HIỆN TRẠNG XÂM NHẬP MẶN TỪ 11-20/01/2022

Khu vực Nam Bộ phổ biến không mưa, ngày nắng với nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 31-33°C, nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 21-23°C.

Mức nước các trạm trên sông Mê Công biến đổi chậm, mức nước các trạm ở mức thấp hơn TBNN từ 0,17-1,72m.

Mức nước trên sông Tiền và sông Hậu biến đổi chậm, mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,48m (ngày 19/01), tại Châu Đốc 1,68m (ngày 19/01), ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,02-0,13m.

Mức nước thủy triều trạm Vũng Tàu có xu thế tăng dần vào cuối tuần. Mức nước cao nhất tại trạm Vũng Tàu 3,96m (20/01/2022).

Xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu thế tăng dần và đang ở mức thấp hơn so với độ mặn cao nhất tháng 01/2021.

2. DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN TỪ 21-31/01/2022

Từ ngày 21-31/01, ở thượng nguồn sông Mê Công và khu vực Nam Bộ sẽ phổ biến ít mưa, ban ngày có nắng, riêng chiều đêm 24, sáng ngày 25/01 mưa có thể xuất hiện cục bộ tại một số tỉnh ven biển miền Tây nhưng lượng mưa ngày không nhiều phổ biến dưới 5mm. Nhiệt độ thấp nhất ban đêm phổ biến 21-24°C; nhiệt độ cao nhất dao động trong khoảng 30-33°C.

Mức nước các trạm trên dòng chính sông Mê Công biến đổi chậm, mức nước các trạm ở mức thấp hơn TBNN từ 0,3-1,7m.

Mức nước trên sông Tiền và sông Hậu biến đổi chậm. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,55m; tại Châu Đốc 1,70m, ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,1-0,15m.

Mức nước thủy triều có xu thế tăng cao vào những ngày cuối tuần.

Xu thế xâm nhập mặn từ ngày 21-31/01/2022: Xâm nhập mặn ở ĐBSCL có xu thế tăng dần vào những ngày cuối tuần. Độ mặn cao nhất tại các trạm phổ biến ở mức thấp hơn độ mặn cao nhất tháng 1/2021, riêng sông Cái Lớn độ mặn ở mức tương đương.

Chiều sâu ranh mặn 1g/l trong thời kỳ này có khả năng như sau:

Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 31-42km;

Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 25-37km;

Sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 32-48km;

Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 34-42km;

Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 25-35km;

Chiều sâu ranh mặn 4g/l trong thời kỳ này có khả năng như sau:

Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 32-42km;

Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 20-30km;

Sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 28-42km;

Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 25-35km;

Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 25-35km.

Mức độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long ở mức cấp độ 1-2.

Các địa phương cần tranh thủ tích trữ nước ngọt khi triều thấp phục vụ nông nghiệp và dân sinh. Trong thời kỳ xu thế mặn tăng cao từ 30/01-04/02/2022, các địa phương cần hạn chế tưới (tưới nước tối thiểu) nhằm giảm thiểu thiệt hại sản xuất, đối với diện tích trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, chịu mặn kém, trước khi tưới cần kiểm tra nồng độ mặn.

3. XU THẾ NGUỒN NƯỚC VÀ XÂM NHẬP MẶN TRONG MÙA KHÔ NĂM 2022

Xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long mùa khô năm 2021-2022 ở mức cao hơn TBNN, nhưng không nghiêm trọng như mùa khô năm 2019-2020. Các đợt xâm nhập mặn có xu thế gia tăng bắt đầu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, dân sinh từ cuối tháng 01/2022; các đợt xâm nhập mặn cao nhất ở cửa sông Cửu Long khả năng tập trung trong tháng 02,3 (từ 13-17/02, từ 26/02-05/03, từ 14-19/3); các sông Vàm Cỏ, Cái Lớn vào tháng 3,4 (từ 14-19/3, từ 28/3-3/4, từ 12-17/4).

Tình hình xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mê Công, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Các địa phương ở vùng Đồng bằng Nam Bộ cần cập nhật kịp thời các thông tin dự báo KTTV và có các biện pháp chủ động phòng chống xâm nhập mặn.

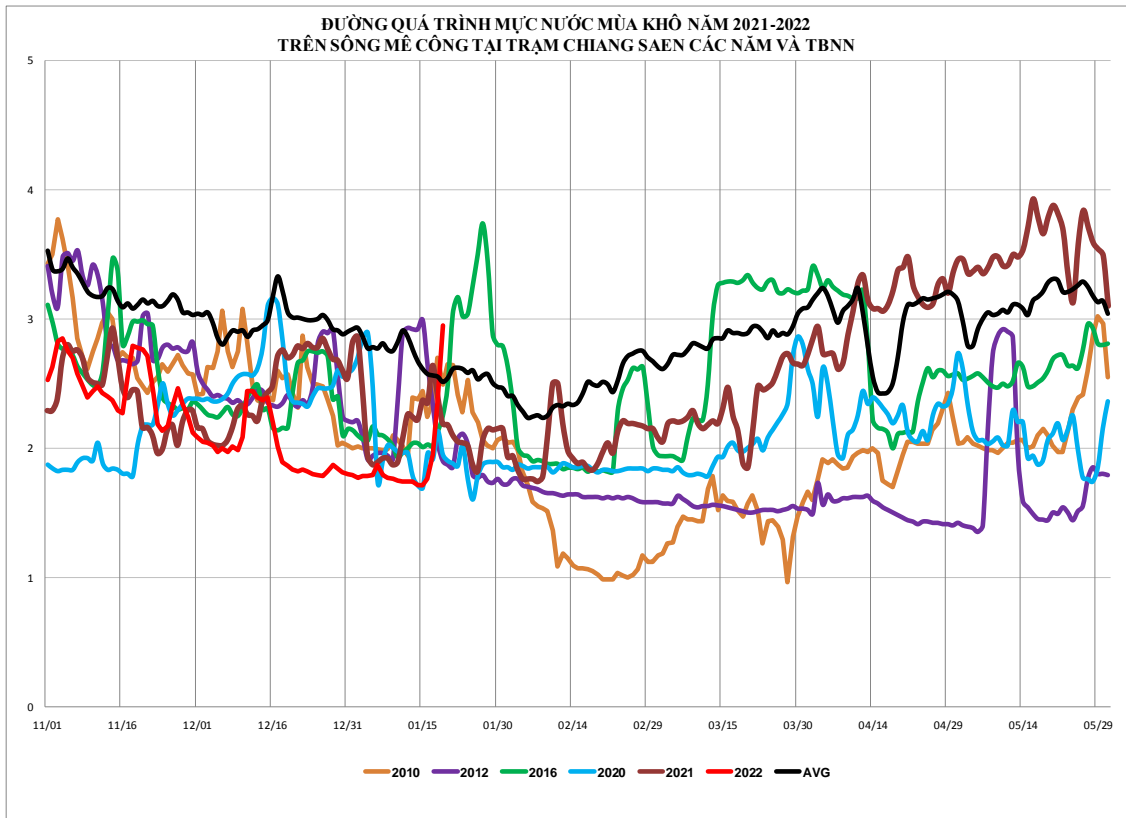
Tin phát lúc: 15h30

Soát tin: Nguyễn Ngọc Hoa

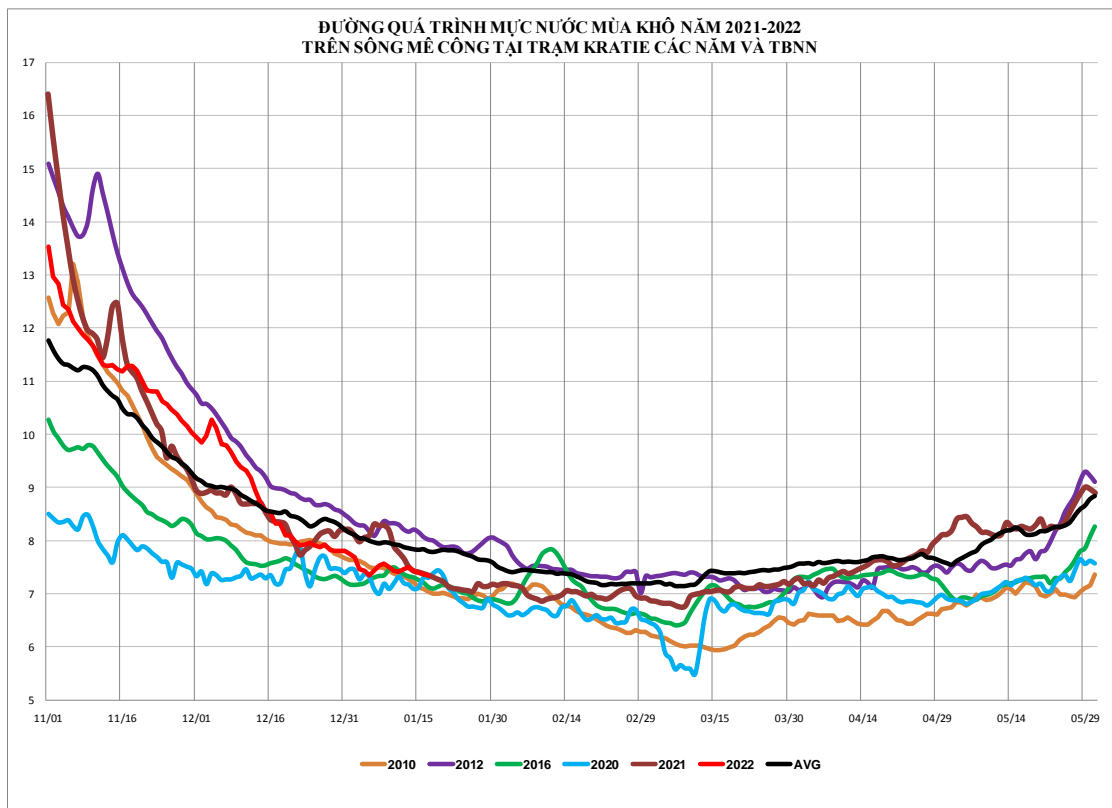
**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục



Hình 1: Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2021-2022
tại trạm Chiangsane (Thái Lan)

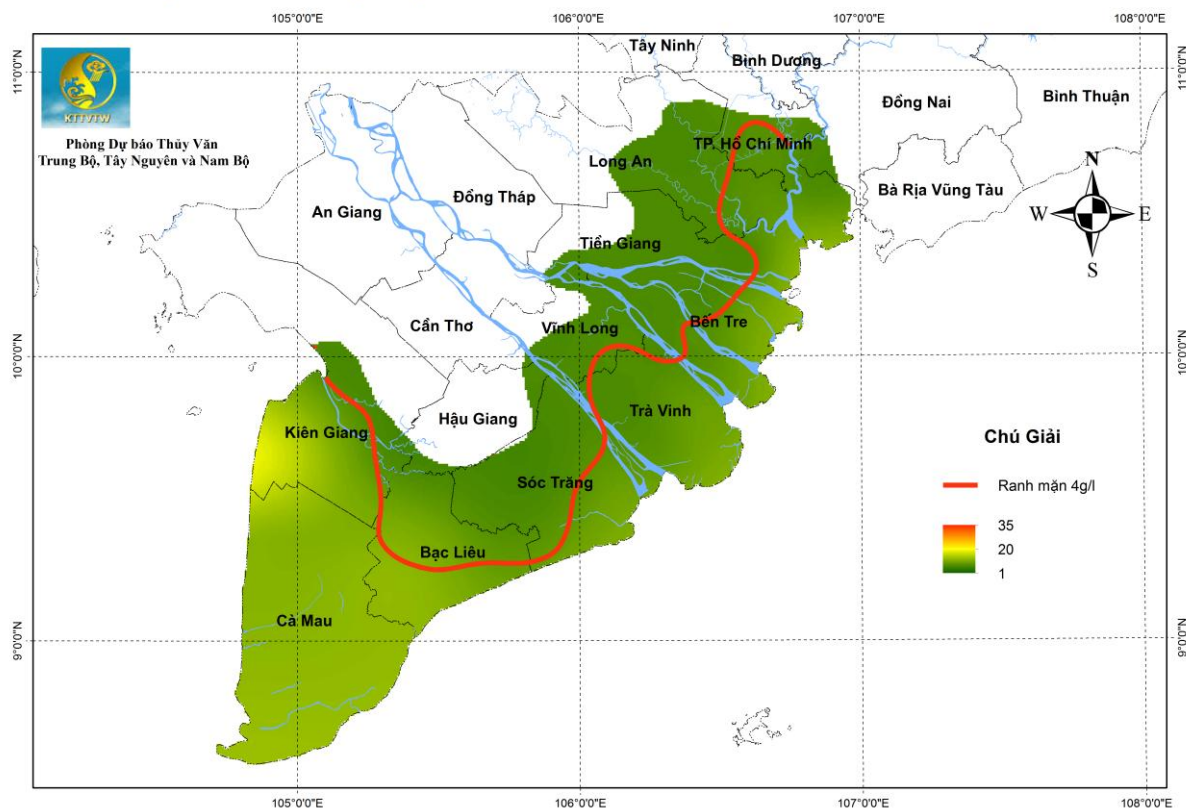


Hình 2: Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2021-2022
tại trạm Kratie (Campuchia)

Bảng 1. Bảng độ mặn cao nhất từ ngày 11-20/01/2022

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	S _{max} (g/l)	So sánh S _{max} tháng 1/2021
1	Ngã 3 Cát Lái	Vàm Cỏ	Long An	20	4.8	Nhỏ hơn 4.4
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	0.8	Nhỏ hơn 2.6
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	0.1	Nhỏ hơn 0.4
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	0.3	Nhỏ hơn 1.7
5	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	16	Nhỏ hơn 6.4
6	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	2.9	Nhỏ hơn 9.8
7	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	0.5	Nhỏ hơn 5.8
8	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	21.2	Nhỏ hơn 2
9	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	5	Nhỏ hơn 8.7
10	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	20.3	Nhỏ hơn 4.1
11	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	8.3	Nhỏ hơn 1.8
12	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	19.4	Lớn hơn 4.6
13	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	4.8	Nhỏ hơn 2.8
14	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	8.7	Nhỏ hơn 5.6
15	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	6	Nhỏ hơn 4.2
16	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	4.5	Nhỏ hơn 4.6
17	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	14.4	Nhỏ hơn 3.8
18	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	10.7	Nhỏ hơn 4.6
19	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	30	3.2	Nhỏ hơn 4.1
20	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	16.3	Nhỏ hơn 2.4
21	Thạnh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng	0.7	Nhỏ hơn 0.8
22	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng	1.4	Xấp xỉ
23	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	Nội đồng	23.5	Nhỏ hơn 6.9
24	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	0	30.5	Lớn hơn 0.9
25	Rạch Giá	Cái Lớn	Kiên Giang	7	0.4	Nhỏ hơn 10.6
26	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	3.5	Xấp xỉ
27	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	9	Nhỏ hơn 4.1

BẢN ĐỒ DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN ĐỒNG BANG SÔNG CỬU LONG MÙA KHÔ NĂM 2021 - 2022

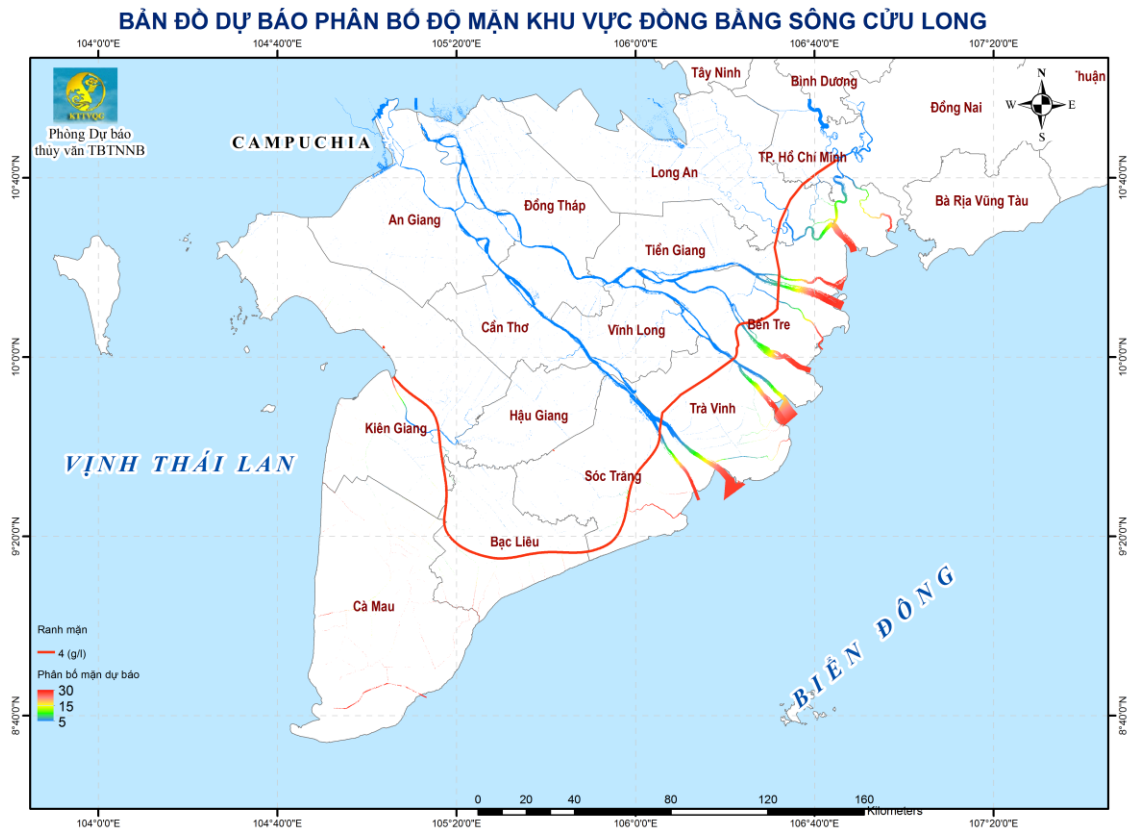


Hình 3. Bản đồ phân bố độ mặn từ 11-20/01/2022

Bảng 2. Bảng dự báo độ mặn cao nhất từ ngày 21-31/01/2022

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	5.1
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	1.1
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	0.1
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	0.4
5	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	17.2
6	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	3.2
7	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	0.6
8	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	22.5
9	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	5.6
10	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	21.1
11	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	8.5
12	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	19.8
13	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	5.0
14	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	9.0
15	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	6.3
16	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	4.7
17	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	14.7
18	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	11.1
19	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	30	3.4

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)
20	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	16.7
21	Thạnh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng	0.8
22	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng	1.4
23	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	Nội đồng	23.5
24	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	-	30.7
25	Rạch Giá	Kiên	Kiên Giang	0	0.5
26	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	3.7
27	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	9.2



Hình 4. Bản đồ dự báo phân bố độ mặn cao nhất từ 21-31/01/2022